

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 252/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số 888 đường K, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Mã B, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số 888 đường K, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 và Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/01/2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984 và ông Mã B, sinh năm 1979.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Mã B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2010, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 01/12/2010 tại UBND Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Mã B xác nhận có 02 (Hai) trẻ họ, tên là Mã Mai T, sinh ngày 03/01/2012 và Mã Ngọc L, sinh ngày 09/12/2014.

Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Mã B thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao 02 (Hai) trẻ họ tên là Mã Mai T, sinh ngày 03/01/2012 và Mã Ngọc L, sinh ngày 09/12/2014 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai con chung; ông B không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Mã B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Mã B xác nhận tài sản chung không có.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Mã B xác nhận nợ chung không có.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim C chịu án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0009609 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Thái Hòa**